

WEEK : 34

UNIT 15 : COUNTRIES

Section A: WE ARE THE WORLD

Period 96: A1, A2, A3

*** Vocabulary:**

1. country(n) : nước, quốc gia
2. nationality(n) : Quốc tịch
3. language(n) ; ngôn ngữ
4. Japan(n) : Nhật Bản → Japanese (n) người Nhật, tiếng Nhật
5. China (n) Trung Quốc → Chinese (n) người Trung Quốc, tiếng Trung Quốc
6. Australia (n) Úc → Australian(n) người Úc, thuộc nước Úc
7. Great Britain (n) nước Anh → British (n) người Anh
8. Canada → Canadian (n) người Ca-na-da
9. France → French(n) người Pháp, tiếng Pháp
10. The USA = America(n) Châu Mỹ → American(n): người Mỹ, Tiếng Mỹ
11. Viet Nam → Vietnamese(n) người Việt Nam, tiếng Việt Nam

*** Remember.**

a) Where **are you** from?

I am from Viet Nam.

Where **is he/she** from?

He/she is from Japan.

b) Which language do you speak?

I speak **Vietnamese**

VERB TENSES :

1/. Now / at the moment/ at present /Listen!/ Look!

→ **Present Progressive tense (thì HTTD)**

→ **S+ am / is / are + V_ing ...**

2/ Simple Present tense (thì HTĐ)

Advs: Every / once / twice / always / usually / often / sometimes / never

I / you / we / they / danh từ số nhiều + V(nguyên mẫu)

He/ She / It / danh từ số ít + Vs/es/ has

Notes: động từ tận cùng bằng “y” → “ies” nếu chủ từ số ít.

3. Near Future tense: (thì tương lai gần)

Adverbs: tonight, tomorrow, next, soon...

Form: S+ Be going to + V(bare-inf)... (Be going to... = intend to...)

Ex: Ba and Lan are going to visit Hue next week.

EXERCISE

I .Supply the correct form or tense of the verb in brackets :

1. She would _____ (like) soda .

2. Lan _____ (have) long hair .
3. We _____ (play) soccer in the stadium at the moment .
4. My mother _____ (want) a dozen eggs .
5. Do Minh and Nam _____ cold drink? (like)
6. Lan _____ an apple now. (eat)
7. It's very hot. He _____ tired. (feel)
8. They _____ a lot of homework at the moment. (do)
9. She would _____ (like) soda .
10. Mr Tan _____ (have) a small nose .
11. We _____ (eat) dinner now
12. Ba _____ (not like) fish and beef .
13. My mother and I _____ (want) a dozen eggs .
14. Mai _____ her teeth after every meal. (brush)
15. Lan _____ long hair . (have)
16. He _____ soccer in the stadium at the moment . (play)
17. These boys _____ tall and thin .(be)
18. I (travel) to Vung Tau **tomorrow**.
19. We (go)to the cinema **tonight**.
20. He **usually** (jog)in the morning.
21. My mother (give)me a new bike **next week**.
22. I (go)to Hanoi next month.
23. Tomorrow is Sunday. I (do)the housework.
24. My father (travel)to Ha Noi tomorrow.
25. I (visit)my uncle and aunt next week.
26. Lan and Nga (see)a movie tonight.
27. I (visit)my uncle and aunt tomorrow.
28. My father (travel)to Ha Noi next week.
29. Lan and Nga (see)a new film tonight.
30. Lan and Nam (see)a new film tonight.
31. My brother and I (visit)our grandparents this weekend.
32. My mother _____(give) me a new bike next week .

II/ Reading comprehension and answer True or false:

Hi, my name is Ha. I'm Vietnamese. I'm twelve years old. Now I'm in grade 6. Sometimes I speak English in English class. I live in Ho Chi Minh City with my parents and my brother, Nam. He can speak Chinese and English. My country is very beautiful. We have a lot of mountains and rivers. We have large forests and long beaches, too.

1/ Ha is Vietnamese.

2/ He is in grade 8.

3/ He sometimes speaks English in English class.

4. He lives in Ho Chi Minh City with his Uncle.

5/ He can't speak Chinese and English.